TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9- 2022
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Phan Văn Dân
2/ Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: Cao Thị Thu Hồng Em- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 5 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lương Thị Huyền T, sinh năm: 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp An B, xã An N, huyện T, An Giang

2.*Bị đơn*: Anh Trần Minh P, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp Vĩnh T, xã Vĩnh B, huyện C, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 28/4/2022, nguyên đơn chị Lương Thị Huyền T trình bày:

-*Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Trần Minh P quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, An Giang. Giấy chứng nhận kết hôn số: 14/KH, ngày 11/3/2013 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, An Giang. Sau khi kết hôn chị và

anh P sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do anh P không lo làm ăn, sinh ra ăn chơi, nhậu nhẹt thường xuyên, lại ham mê cờ bạc gây nợ nần, không chăm lo gì đến gia đình vợ con.. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa. Nên chị và anh Pluôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm. Từ tháng 10 năm 2020 chị và anh P không còn chung sống với nhau nữa. Chị và anh P ly thân nhau đến nay được 2 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc dài lâu được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Minh P.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên là Trần Hồ P, sinh ngày 6/5/2016.Hiện cháu đang sống với chị T. Sau ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P, không yêu cầu anh P không phải cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Minh P***:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Trần Minh P vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của anh P tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì anh P hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở ấp Vĩnh Thọ, xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, An Giang, nhưng anh P vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T ly hôn với anh P. Về con chung: Đề nghị giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng, Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định***:**

[1] *Về thủ tục tố tụng***:** Anh Trần Minh P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do. Còn chị Lương Thị Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lương Thị Huyền T và anh Trần Minh P theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân**:** chị Lương Thị Huyền T và anh Trần Minh P kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị T trình bày sau khi kết hôn chị và anh P sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do anh P không lo làm ăn, sinh ra ăn chơi, nhậu nhẹt thường xuyên, lại ham mê cờ bạc gây nợ nần, không chăm lo gì đến gia đình vợ con.. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa. Nên chị và anh P luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm. Từ tháng 10 năm 2020 chị và anh P không còn chung sống với nhau nữa. Chị và anh P ly thân nhau đến nay được 2 năm nay. Xét thấy với thời gian chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẩn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẩn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy mời nhưng anh Pcũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị T. Hiện tại chị T xác định không còn tình cảm với anh P, chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị T và anh P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2]Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Hồ P, sinh ngày 6/5/2016.Hiện cháu đang sống với chị T. Sau ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P, không yêu cầu anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu P từ nhỏ đến nay cháu sống với chị T cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để chị T được tiếp tục nuôi cháu P là phù hợp. Chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này**.**

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Lương Thị Huyền T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí**:** Do yêu cầu của Chị Lương Thị Huyền T được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị Huyền T. Cho ly hôn giữa chị Lương Thị Huyền T và anh Trần Minh P

Giấy chứng nhận kết hôn số: 14/KH, ngày 11/3/2013 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, An Giang không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Hồ P, sinh năm: 2016. Hiện cháu đang sống với chị T. Sau ly hôn chị T thì được tiếp tục nuôi cháu P , anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu, không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3.Về tài sản và nợ chung: Chị Lương Thị Huyền T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lương Thị Huyền T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003139 ngày 28/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.Về kháng cáo: Chị Lương Thị Huyền T và anh Trần Minh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung